

Số: 6.11 / 2006/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 02 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy định giá cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước
trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở;

Theo đề nghị của Liên Sở: Tài chính- Xây dựng tại Tờ trình liên Sở số 446/TTLS/TC-XD ngày 12/10 /2005 về giá cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

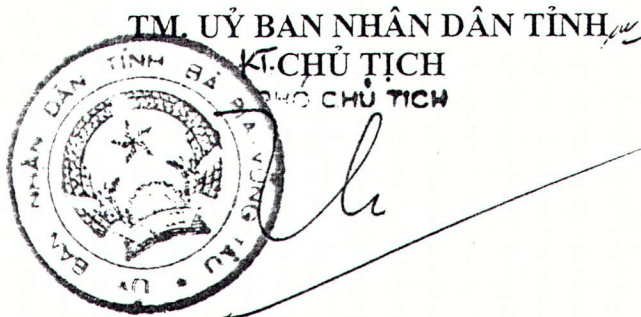
Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này quy định giá cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Tỉnh để làm cơ sở ký hợp đồng thuê nhà và thu tiền thuê nhà hàng tháng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 522/QĐ-UBT ngày 23/04/1993 của UBND Tỉnh về giá cho thuê nhà ở thuộc diện nhà nước quản lý tại Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban ngành, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố, Thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính (đề b/c);
- Bộ Tư pháp (đề b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Các thành viên UBND Tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Đoàn Đại biểu QHội Tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh ;
- Đài phát thanh-truyền hình;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các Huyện, Thị, TP;
- Lưu: VT-TH



TRẦN NGỌC THỜI

QUY ĐỊNH

Giá cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Ban hành kèm theo Quyết định số **611** /2006/QĐ-UBND ngày **28/02/2006**
của UBND Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phân cấp nhà

Việc phân cấp nhà để xác định giá cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Tỉnh thực hiện theo Quyết định số 6866/2003/QĐ-UB ngày 21/7/2003 của UBND Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu v/v ban hành Quy định về giá nhà, vật kiến trúc áp dụng khi bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Phân cấp đô thị

Việc phân cấp đô thị để xác định giá cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Tỉnh thực hiện theo Quyết định của UBND Tỉnh về ban hành bảng giá đất hành năm trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 3. Phân loại khu vực

- Khu vực Trung tâm: Bao gồm các Phường thuộc Thành phố Vũng Tàu và các Phường thuộc Thị xã Bà Rịa.
- Khu vực cận trung tâm: Bao gồm các Thị trấn của các Huyện trừ Huyện Côn Đảo.
- Khu vực ven nội: Bao gồm xã Long Sơn thuộc Thành phố Vũng Tàu, huyện Côn Đảo và các xã của các Huyện, Thị xã còn lại.

Điều 4. Phân loại điều kiện giao thông

- Xe ô tô đến tận ngôi nhà: Các căn nhà nằm trên tuyến đường hoặc hẻm có chiều rộng từ 4m trở lên.
- Xe thô sơ đến tận nhà ngôi nhà: Các căn nhà nằm trên tuyến đường hoặc hẻm có chiều rộng dưới 4m.

Chương II
BẢNG GIÁ CHO THUÊ NHÀ

Điều 5. Bảng giá chuẩn

ĐVT: đồng/1m² sử dụng/tháng

S T T	Loại nhà	Đơn vị tính	Trung tâm		Cận trung tâm		Ven nội	
			Xe ô tô đến tận ngôi nhà	Xe thô sơ đến tận ngôi nhà	Xe ô tô đến tận ngôi nhà	Xe thô sơ đến tận ngôi nhà	Xe ô tô đến tận ngôi nhà	Xe thô sơ đến tận ngôi nhà
1	Nhà tạm	đ/m ²	1.500	1.300	1.400	1.200	1.300	1.100
2	Nhà cấp 4	đ/m ²	3.000	2.600	2.800	2.400	2.600	2.200
3	Nhà cấp 3	đ/m ²						
	Tầng 1		4.100	3.500	3.800	3.200	3.500	2.900
	Tầng 2		3.500	3.000	3.200	2.700	3.000	2.400
4	Nhà cấp 2	đ/m ²						
	Tầng 1		4.800	4.100	4.500	3.800	4.100	3.500
	Tầng 2		4.100	3.500	3.800	3.100	3.500	2.800
	Tầng 3		4.000	3.300	3.600	3.000	3.300	2.600
	Tầng 4		3.600	3.000	3.300	2.600	3.000	2.300
	Tầng 5		3.300	2.600	3.000	2.300	2.600	2.000
5	Nhà cấp 1	đ/m ²						
	Tầng 1		5.200	4.500	4.900	4.100	4.500	3.800
	Tầng 2		4.500	3.800	4.100	3.400	3.800	3.100
	Tầng 3		4.300	3.600	4.000	3.200	3.600	2.900
	Tầng 4		4.000	3.200	3.600	2.900	3.200	2.500
	Tầng 5		3.600	2.900	3.200	2.500	2.900	2.200
	Tầng 6 trở lên		3.200	2.500	2.900	2.200	2.500	1.800
6	Biệt thự hạng 1	đ/m ²						
	Tầng 1		7.100	6.100	6.600	5.600	6.100	5.100
	Tầng 2		6.100	5.100	5.600	4.700	5.100	4.200
7	Biệt thự hạng 2	đ/m ²						
	Tầng 1		8.000	6.900	7.400	6.300	6.900	5.800
	Tầng 2		6.900	5.800	6.300	5.200	5.800	4.700
8	Biệt thự hạng 3	đ/m ²						
	Tầng 1		9.900	8.500	9.200	7.800	8.500	7.100
	Tầng 2		8.500	7.100	7.800	6.500	7.100	5.800
9	Biệt thự hạng 4	đ/m ²						
	Tầng 1		11.300	9.800	10.500	9.000	9.800	8.200
	Tầng 2		9.800	8.200	9.000	7.400	8.200	6.600

Điều 6. Hệ số K điều chỉnh giá chuẩn

Hệ số K là hệ số điều chỉnh giá cho thuê nhà theo từng loại đô thị và mục đích sử dụng của các loại nhà. Hệ số điều chỉnh giá chuẩn bao gồm:

a) Hệ số cấp đô thị

Cấp đô thị	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5
Hệ số K	1.1	1.0	0.9	0.85

b) Hệ số mục đích sử dụng

Mục đích sử dụng	Nhà ở	Trụ sở cơ quan hành chính, sự nghiệp.	Nhà khách, nhà nghỉ	Nhà kinh doanh
Hệ số K	1.0	1.0	1.2	1.5

Điều 7. Giá cho thuê nhà hàng tháng được xác định theo bảng giá chuẩn nêu tại Điều 5 nhân với hệ số K điều chỉnh giá chuẩn tại Điều 6.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Giá cho thuê nhà áp dụng cho tất cả các căn nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 9. Xí nghiệp Quản lý và Kinh doanh nhà thực hiện việc ký lại hợp đồng cho thuê nhà và thu tiền cho thuê nhà hàng tháng nộp vào Kho bạc nhà nước Tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc UBND Huyện, Thị xã, Thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phản ánh, đề xuất ý kiến để Sở Tài chính, Sở Xây dựng nghiên cứu hướng dẫn hoặc trình UBND Tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

TRẦN NGỌC THỜI